TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1580/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 30/11/2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Huỳnh

2/ Ông Trần Hữu Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thư Thái Bình – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa: Bà Hà Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 397/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2015 về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2766/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đường C, phường D, quận E, Thành phố F .

Bị đơn: Ông B, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)

Địa chỉ: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 9 năm 2015 và bản tự khai ngày 22 tháng 10 năm 2015, nguyên đơn Bà A trình bày: Bà và Ông B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số 274, quyển số 02 ngày 18/03/1993.

Sau khi kết hôn bà theo bị đơn sang Đài Loan sinh sống. Trong quá trình chung sống, do bất đồng ngôn ngữ nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mặt

khác sống nơi đất khách quê người bà không quen nên đã trở về Việt Nam từ năm 2000 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với Ông B.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được vì Ông B đang cư trú tại lãnh thổ Đài Loan.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bà Acó đơn yêu cầu Tòa án xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với các đương sự vắng mặt, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Bà A, cho Bà A được ly hôn với Ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Bà A đang cư trú tại Việt Nam có đơn xin ly hôn với Ông B hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bà A và Ông B tham gia phiên tòa vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 30/11/2017 nhưng Ông B vẫn vắng mặt. Đồng thời Bà A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với Ông B, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ, thông báo thụ lý, lấy lời khai, thông báo ngày giờ hòa giải và xét xử cho Ông B ở Đài Loan. Lần thứ nhất, văn bản số 1386/UTTPHN – LĐ ngày 27/10/2015 và có văn bản thông báo kết quả của Bộ Tư pháp số 984/BTP – PLQT ngày 04/04/2016. Lần thứ hai, văn bản số 918/UTTPHN-LĐ ngày 24/8/2016 và có văn bản thông báo kết quả của Bộ Tư pháp số 994/BTP – PLQT ngày 17/03/2017. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền của

lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 21/11/2016 bằng phương thức gửi hồ sơ ủy thác tư pháp tại đồn công an. Hết thời hạn niêm yết theo quy định của pháp luật, Ông B không đến Tòa án cũng không có văn bản trả lời, không có đơn xin xét xử vắng mặt được cơ quan đại diện ngoại giao của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Lãnh thổ Đài Loan xác nhận chữ ký hoặc hợp pháp hóa lãnh sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của Bà A có đủ căn cứ để xác định:

- Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số 274, quyển số 02 ngày 18/03/1993 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa Bà A và Ông B là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà A trình bày, sau khi kết hôn quá trình chung sống do bất đồng ngôn ngữ và mỗi người mỗi nơi nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, hạnh phúc vợ chồng không có. Về phía Ông B, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho ông theo đúng thủ tục luật định nhưng Ông B cũng không có văn bản trả lời về việc nộp đơn xin ly hôn của bà A, cũng như không tham dự phiên tòa xét xử ly hôn giữa ông và bà A. Điều này cũng chứng tỏ Ông B không quan tâm đến cuộc hôn nhân này nữa. Do đó, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Ông B là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí dân sự sơ thẩm Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh Án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu của Bà A.

Quan hệ hôn nhân: Bà A được ly hôn với Ông B.

Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số 274, quyển số 02 ngày 18/03/1993 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Bà A và Ông B không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng Bà A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2010/09312 ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án xử công khai sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày Bà A nhận tống đạt hợp lệ bản án. Đối với Ông B thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM
- Cục THADS Tp.HCM;
- UBND Tp.HCM (Sở Tư pháp);
- Các đương sự;
- Lưu (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Vương